

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2026.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính.

Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị P, sinh ngày 19/01/1994 (có đơn xin vắng).

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lưu B, sinh ngày 01/01/1991 (vắng mặt).

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày: Bà và ông Lưu B tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh S (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Giữa bà và ông B có một người con chung tên Lưu Chí V, sinh ngày 27/3/2018 và hiện con đang sống với ông B. Vợ chồng bà thời gian đầu chung sống rất vui vẻ, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, ông B ham chơi không lo làm việc và bà nhiều lần khuyên không được nên quyết định sống ly thân từ khoảng năm 2020, từ đó vợ chồng không trao đổi, nói chuyện với nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Lưu B và đồng ý giao con chung cho ông

B nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung thì bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Lưu B vắng mặt, quá trình giải quyết có cung cấp lời khai: Theo yêu cầu của bà Võ Thị P xin được ly hôn thì ông đồng ý, vì giữa ông và bà P đã không sống chung với nhau gần ba năm, tình cảm không còn. Về con chung Lưu Chí V, sinh ngày 27/3/2018 thì ông sẽ trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà P cấp dưỡng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thì nhận thấy bà P yêu cầu ly hôn và ông B đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phượng, công nhận thuận tình ly hôn cho bà P và ông B. Đối với con chung Lưu Chí V đang sống với ông B và ông B có nguyện vọng được nuôi con, bà P đồng ý giao con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho ông B nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí bà P và ông B mỗi người phải chịu 50% án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà P khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà P và ông Lưu B tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh S (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, bà P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nhận thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà P và ông B không còn sống chung với nhau, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Ông B đã được thông báo về việc bà P khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông B là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà P và ông B.

[3] Về con chung: Bà P và ông Lưu B có một người con chung tên Lưu Chí V, sinh ngày 27/3/2018. Bà P yêu cầu giao con chung cho ông B nuôi dưỡng, hiện cháu Vỹ đang sống với ông B và ông B đề nghị được nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho ông B nuôi dưỡng và bà P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị P và ông Lưu B.
2. Về con chung: Giao cho ông Lưu B được nuôi dưỡng con chung Lưu Chí V, sinh ngày 27/3/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Bà Võ Thị P và ông Lưu B mỗi người phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Võ Thị P đã nộp xong và được hoàn trả số tiền tạm ứng còn dư là 225.000 đồng theo biên lai thu số 0009912 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ).

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm,
thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai